

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 125/2020/TLST - DS ngày 31 tháng 7 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tuyết M - Sinh năm: 1974; địa chỉ: 26/9A khóm D, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Trần Thị Tuyết M): Ông Đỗ Mạnh C - Sinh năm: 1996; địa chỉ: 26/9A khóm D, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2020).

*Bị đơn:* Ông Trần Minh L - Sinh năm: 1984 và bà Nguyễn Thị Lý Hồng N - Sinh năm: 1986; cùng địa chỉ: 278/10A khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Lý Hồng N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị Tuyết M số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), bà Trần Thị Tuyết M không yêu cầu tính lãi.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Trần Thị Tuyết M tự nguyện nhận chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.680.000đ (mười bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001664 ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 9.680.000đ (chín triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

+ Ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Lý Hồng N tự nguyện liên đới nhận chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà Trần Thị Tuyết M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Lý Hồng N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bà Trần Thị Tuyết M (01 bản);
- Ông Trần Minh L (01 bản);
- Bà Nguyễn Thị Lý Hồng N (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Ngọc Tuyên**